

RESEARCH ON THE CURRENT SITUATION OF TOBACCO AND E-CIGARETTE USE AMONG SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN PHONG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE IN 2024

Nguyen Van Cuong^{1*}

¹Hue City Center for Disease Control - 10-12 Nguyen Van Cu, Thuan Hoa ward, Hue city, Vietnam

Received: 25/09/2025

Revised: 03/10/2025; Accepted: 19/11/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the current situation of cigarette and e-cigarette use among lower secondary school students in Phong Điền District, Thừa Thiên Huế Province, in 2024.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 600 students from grades 8–9 at three lower secondary schools. Data were collected using a structured questionnaire and analyzed with SPSS software.

Results: The prevalence of cigarette use was 5.8% (male 9.1%, female 2.9%), and ever use of e-cigarettes was 2.8% (male 4.2%, female 1.6%). About 68.7% of students were aware of e-cigarettes, 63% were exposed to secondhand smoke at home or school, and 54.3% reported being able to buy cigarettes near the school. Compliance with school smoking bans was reported by 66.3% of students and 50.2% regarding teachers.

Conclusion: Tobacco use and passive exposure remain common among lower secondary school students. Strengthening communication and enforcement of smoke-free school policies is essential to promote a smoke-free educational environment.

Keywords: Smoking, electronic cigarettes, passive smoking.

*Corresponding author

Email: cuongcdchue@gmail.com Phone: (+84) 918773649 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3835>

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG SỬ DỤNG THUỐC LÁ VÀ THUỐC LÁ ĐIỆN TỬ Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN PHONG ĐIỀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2024

Nguyễn Văn Cường^{1*}

¹Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế - 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế, Việt Nam

Ngày nhận bài: 25/09/2025

Ngày phản biện: 03/10/2025; Ngày duyệt đăng: 19/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng thuốc lá và thuốc lá điện tử ở học sinh THCS huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2024.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 600 học sinh khối 8–9 tại ba trường THCS. Dữ liệu thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc sẵn và xử lý bằng phần mềm SPSS.

Kết quả: Tỷ lệ sử dụng thuốc lá là 5,8% (nam 9,1%, nữ 2,9%); từng sử dụng thuốc lá điện tử 2,8% (nam 4,2%, nữ 1,6%). Có 68,7% học sinh biết đến thuốc lá điện tử, 63% bị phơi nhiễm khói thuốc tại nhà hoặc trường, và 54,3% có thể mua thuốc lá gần trường. 66,3% học sinh và 50,2% cho biết quy định cấm hút thuốc trong trường học được thực hiện tốt.

Kết luận: Hành vi sử dụng và phơi nhiễm thuốc lá trong học sinh THCS vẫn phổ biến. Cần tăng cường truyền thông và giám sát việc thực hiện quy định cấm hút thuốc để xây dựng môi trường học đường không khói thuốc.

Từ khóa: Hút thuốc lá, hút thuốc lá điện tử, hút thuốc thụ động.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong 15 nước có tỷ lệ nam giới trưởng thành hút thuốc lá cao nhất trên thế giới. Trong khu vực các nước ASEAN, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 3 có số người hút thuốc lá cao nhất, sau Indonesia và Philippines [5].

Theo Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), ghi nhận trong vài năm gần đây, năm 2020, riêng ở Mỹ đã có 68 ca tử vong và 2.807 trường hợp viêm đường hô hấp cấp do sử dụng thuốc lá điện tử. Tại Việt Nam cũng đã phát hiện một số trường hợp tương tự.

Năm 2023, Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chỉ đạo việc Tăng cường thực hiện Luật phòng, chống tác hại thuốc lá (PCTHTL), đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin về tác hại của các sản phẩm thuốc lá mới (thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha);

Theo báo cáo của Bộ Y tế hoạt động PCTHTL tại Việt Nam giai đoạn 2013-2023, tỷ lệ sử dụng thuốc lá điện tử (TLĐT) trong học sinh 13-15 tuổi tại Việt Nam năm 2022

là 3,5%, trong đó, học sinh nam là 4,3% và học sinh nữ là 2,8%. Tỷ lệ này tăng rất nhanh ở nhóm 15-24 tuổi chiếm (7,3%)[1].

Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, trong những năm qua đã có nhiều hoạt động can thiệp tại huyện Phong Điền, tuy nhiên qua giám sát hỗ trợ xây dựng môi trường không khói thuốc tại các trường học cho thấy đã có tình trạng hút thuốc lá (HTL), thuốc lá điện tử trong môi trường học đường? Tình hình sử dụng thuốc lá và TLĐT, thái độ và nhận thức về tác hại thuốc lá, TLĐT của các em học sinh tại các trường THCS huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế ra sao? Để có được bằng chứng khoa học chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “**Nghiên cứu thực trạng sử dụng thuốc lá và thuốc lá điện tử ở học sinh Trung học cơ sở huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2024**” với các mục tiêu sau : (1) Xác định tỉ lệ sử dụng thuốc lá, thuốc lá điện tử, phơi nhiễm khói thuốc lá ở học sinh THCS huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2024. (2) Tìm hiểu

*Tác giả liên hệ

Email: cuonggcdhue@gmail.com Điện thoại: (+84) 918773649 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3835>

thái độ, nhận thức của học sinh về tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử. (3) Mô tả tiếp cận của học sinh với các phương tiện truyền thông về PCTHTL và các hình thức quảng cáo, khuyến mại, cách tiếp cận với sản phẩm thuốc lá.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh lớp 8,9 đang học tập tại các trường thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tiêu chuẩn lựa chọn

+ Học sinh lớp 8,9 có khả năng nhận thức, biết đọc, hiểu câu hỏi và hoàn toàn tinh táo, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ:

Không đồng ý tham gia nghiên cứu. Bị tâm thần, không thể cung cấp thông tin cho nghiên cứu, bị rối loạn tâm thần.

2.2. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024.

2.3. Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện tại huyện Phong Điền, tỉnh TT Huế.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1 Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang.

2.4.2 Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Cỡ mẫu nghiên cứu được tính dựa theo công thức:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times [p \times (1-p)]}{d^2}$$

Trong đó: P: Tỷ lệ học sinh hút thuốc lá, thuốc lá điện tử theo nghiên cứu của Trường Đại học Y Hà Nội, Nghiên cứu về tình hình sử dụng thuốc lá trong học sinh 13-15 tuổi tại Việt Nam năm 2022 là 4,3%. (P=0,043). d=0,02 là sai số kỳ vọng. Thay vào công thức ta có: n = 395. Do chọn mẫu theo cụm (trường học/xã) nên nhân hệ số thiết kế (DEFF = 1,5) và dự phòng không phản hồi, tổng cỡ mẫu là 600 học sinh - đảm bảo đủ độ tin cậy thống kê.

2.5. Phương pháp chọn mẫu

Chọn xã: trên địa bàn huyện được phân thành 3 khu vực sinh thái có địa hình khác nhau, tại mỗi khu vực bốc thăm ngẫu nhiên chọn 1 xã để nghiên cứu và chọn được: Trường THCS Nguyễn Duy, Trường THCS Phong Hải, Trường THCS Phong Sơn.

Chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ, thỏa mãn tiêu chuẩn chọn mẫu. Tổng số học sinh khối 8,9 của 03 trường là 650 học sinh, để đảm bảo cỡ mẫu trừ đi một số em nghỉ học hoặc không đồng ý trả lời ta chọn được 600 học sinh của 03 trường.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu: Bộ câu hỏi phỏng vấn thiết kế sẵn.

2.7. Nội dung biến số nghiên cứu

Các biến số của quan sát bao gồm:

Thông tin chung: Giới tính, tuổi, trình độ học vấn, công việc chính, dân tộc.

Sử dụng thuốc lá: tình trạng hút thuốc lá (hàng ngày, không thường xuyên hay còn gọi là thỉnh thoảng, không sử dụng).

Thuốc lá thụ động: Tình trạng được phép hút thuốc trong nhà, phơi nhiễm với khói thuốc lá lại nhà, chính sách về hút thuốc ở nơi công cộng, phơi nhiễm với khói thuốc ở bệnh viện, trường học, cửa hàng, nhà hàng...

- Các biến số về thái độ và nhận thức: thái độ, nhận thức về các ảnh hưởng đến sức khỏe của thuốc lá và thuốc lá điện tử.

2.8. Quản lý và phân tích số liệu

- Số liệu được làm sạch và nhập bằng phần mềm Epidata (có kiểm soát bằng file CHECK để hạn chế sai số). Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS.

2.9. Đạo đức trong nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu được Hội đồng khoa học kỹ thuật Ngành Y tế Thừa Thiên Huế thông qua. Trước khi tham gia nghiên cứu ĐTNC được giải thích rõ về mục đích nghiên cứu và được quyền quyết định tham gia nghiên cứu hoặc từ chối tham gia nghiên cứu. Mọi thông tin cá nhân về đối tượng nghiên cứu, số liệu của cuộc điều tra được giữ kín để đảm bảo tính riêng tư của ĐTNC. Nội dung nghiên cứu phù hợp được chính quyền địa phương, TTYT và người dân ủng hộ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Biến số		Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	13 tuổi	407	67,8
	14 tuổi	193	32,2
Giới tính	Nam	287	47,8
	Nữ	313	52,2

Trong 600 ĐTNC tỷ lệ nam chiếm 47,8% và nữ chiếm tỷ lệ 52,2%. Tuổi của đối tượng nghiên cứu tập trung ở độ tuổi 13 và 14 tuổi, trong đó ĐTNC có độ tuổi 13 chiếm 67,8%, độ tuổi 14 chiếm 32,2%.

Bảng 3.2. Tỷ lệ đã từng thử hút thuốc lá điều theo giới

Tình trạng hút thuốc	Hút thuốc lá		Không hút thuốc lá	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
Nam	26	9,1	261	90,9
Nữ	9	2,9	304	97,1
Tổng cộng	35	5,8	565	94,2

Trong 600 ĐTNC có 35 người HTL, trong đó tỷ lệ người HTL chung chiếm 5,8%; tỷ lệ nam giới HTL 9,1% và nữ 2,9%.

Bảng 3.3. Tỷ lệ đã hút thuốc lá điện tử theo giới

Tình trạng hút thuốc	Hút thuốc lá điện tử		Không hút thuốc lá điện tử	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
Nam	12	4,2	275	95,8
Nữ	5	1,6	308	98,4
Tổng cộng	17	2,8	583	97,2

Qua nghiên cứu 600 ĐTNC tỷ lệ hút thuốc lá điện tử chung là 2,8%, trong đó tỷ lệ hút thuốc lá điện tử ở nam chiếm 4,2% và ở nữ chiếm 1,6%.

Bảng 3.4. Tỷ lệ học sinh tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá

Trong 7 ngày qua nhìn thấy người hút thuốc lá trong nhà tại nhà	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Không ngày nào	432	72,0
Từ 1 đến 2 ngày	67	11,2
Từ 3 đến 4 ngày	49	8,2
Từ 5 đến 6 ngày	9	1,5
7 ngày	43	7,2
Trong 30 ngày qua nhìn thấy người thân trong gia đình hút thuốc trong nhà	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Không có ai là người thân hút thuốc	259	43,2
Không nhìn thấy ai hút thuốc trong nhà	60	10,0
Thỉnh thoảng nhìn thấy	214	35,6
Hàng ngày nhìn thấy	67	11,2

Trong 7 ngày qua có người hút thuốc lá địa điểm công cộng trong nhà như: bệnh viện, trường học, cửa hàng	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Không ngày nào nhìn thấy	313	52,2
Từ 1 đến 2 ngày	190	31,6
Từ 3 đến 4 ngày	53	8,8
Từ 5 đến 6 ngày	10	1,7
7 ngày	34	5,7
Trong 7 ngày qua có người hút thuốc lá tại địa điểm những nơi công cộng ngoài trời như sân chơi, trên đường đi, lối vào tòa nhà, công viên...	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Không ngày nào nhìn thấy	295	49,2
Từ 1 đến 2 ngày	177	29,4
Từ 3 đến 4 ngày	76	12,7
Từ 5 đến 6 ngày	16	2,7
7 ngày	36	6,0
Nhìn thấy hút thuốc trong các tòa nhà hoặc trong phạm vi khuôn viên của trường học 30 ngày qua	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Có	222	37,0
Không	378	63,0

Trong 7 ngày qua: 28% nhìn thấy người hút thuốc lá trong nhà tại nhà, 47,8% người hút thuốc lá địa điểm công cộng trong nhà như: bệnh viện, trường học, cửa hàng, 50,8% nhìn thấy người hút thuốc lá tại địa điểm những nơi công cộng ngoài trời... Trong 30 ngày qua có 63% ĐTNC nhìn thấy hút thuốc trong các tòa nhà hoặc trong phạm vi khuôn viên của trường học, 56,8% nhìn thấy người thân trong gia đình hút thuốc.

Bảng 3.5. Tỷ lệ học sinh hiểu biết về tác hại của HTL thụ động

Nội dung	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
HTL là có hại cho sức khỏe		
Chắc chắn không hại	24	4,0
Có lẽ không hại	6	1,0
Có lẽ có hại	76	12,7
Chắc chắn có hại	474	82,3
Tác hại khói thuốc lá		
Chắc chắn không có hại	24	4,0

Nội dung	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Nhiều khả năng là không có hại	6	1,0
Nhiều khả năng là có hại	76	12,7
Chắc chắn có hại	469	78,2
Không biết	25	4,2
Chắc chắn có hại	77	12,8
Hút TLĐT có hại đối với sức khỏe		
Chắc chắn không hại	27	4,5
Có lẽ không hại	10	1,7
Có lẽ có hại	59	9,8
Chắc chắn có hại	504	84,0

Có 82,3% ĐTNC biết rằng hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe, 78,2% khẳng định chắc chắn khói thuốc lá phả ra từ người khác hút thuốc có hại cho sức khỏe.

Về TLĐT có 84% ĐTNC cho rằng hút TLĐT có hại đối với sức khỏe, 40% cho rằng thuốc lá điện tử và thuốc lá bình thường có hại như nhau.

Bảng 3.6. Thông tin về phòng chống tác hại của thuốc lá

Nội dung	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Nhìn thấy hay nghe thấy thông tin, hình ảnh về phòng chống tác hại thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong 30 ngày qua		
Có	504	84,0
Không	96	16,0
Nhìn thấy thông tin về việc cấm người dưới 18 tuổi mua/ bán/ sử dụng bất kỳ sản phẩm thuốc lá 30 ngày qua		
Có	437	72,8
Không	163	27,2
Nhìn thấy cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh và chữ về tác hại sức khỏe in trên bao bì thuốc lá trong 30 ngày qua		
Không, tôi không nhìn thấy.	262	43,7
Có, tôi có nhìn thấy nhưng không nghĩ nhiều về chúng	190	31,7
Có, tôi có nhìn thấy và nghĩ về việc sẽ bỏ thuốc	12	2,0
Có, tôi có nhìn thấy và nghĩ về việc không bắt đầu hút thuốc	136	22,7

Thông tin về phòng chống tác hại của thuốc lá trong 30 ngày qua có 84,0% ĐTNC có nhìn thấy hay nghe thấy thông tin, hình ảnh về phòng chống tác hại thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng, 72,8% ĐTNC Nhìn thấy thông tin về việc cấm người dưới 18 tuổi mua/ bán/ sử dụng bất kỳ sản phẩm thuốc lá, 31,7% Nhìn thấy cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh và chữ về tác hại sức khỏe in trên bao bì thuốc lá.

Bảng 3.7. Thông tin nhận quảng cáo, khuyến mại sản phẩm thuốc lá

Nội dung	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Thấy bất kỳ quảng cáo nào về sản phẩm thuốc lá trên internet 30 ngày qua		
Không sử dụng internet	170	28,3
Có	15	2,5
Không	415	69,2
Thấy quảng cáo về sản phẩm thuốc lá trên mạng xã hội nhiều nhất 30 ngày qua		
Trên Facebook	8	53,3
Trên Youtube	7	46,7

Thông tin nhận quảng cáo, khuyến mại sản phẩm thuốc lá trong 30 ngày qua có 2,5% ĐTNC có thấy quảng cáo về sản phẩm thuốc lá trên internet, chủ yếu được thấy quảng cáo qua facebook và youtube.

Bảng 3.8. Tỷ lệ học sinh hiểu biết quy định PCTHTL tại trường học

Nội dung	Tần số (n=600)	Tỷ lệ (%)
Quy định cấm học sinh hút thuốc lá		
Không có quy định nào	5	0,8
Thực hiện tốt hoàn toàn	398	66,3
Thực hiện chưa tốt/ chỉ tốt một phần	119	19,8
Không thực hiện gì cả	78	13,0
Quy định cấm giáo viên, nhân viên hút thuốc lá		
Không có quy định nào	29	4,8
Thực hiện tốt hoàn toàn	301	50,2
Thực hiện chưa tốt/ chỉ tốt một phần	108	18,0
Không thực hiện gì cả	162	27,0

Trong 600 ĐTNC cho rằng chỉ 66,3% thực hiện tốt hoàn toàn về quy định cấm học sinh hút thuốc lá và 50,2% thực hiện tốt hoàn toàn về quy định cấm giáo viên hút thuốc lá tại trường học. Trong khi đó có đến 13% ĐTNC cho rằng không thực hiện quy định cấm học sinh và 27% không thực hiện quy định cấm giáo viên hút thuốc lá tại trường học.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ hút thuốc lá điều của nam là HTL 9,1% và nữ 2,9% và tuổi bắt đầu hút thuốc lá từ 12-13 tuổi chiếm đến 50%. Tỷ lệ hút thuốc lá điều rong nghiên cứu cao gần gấp 03 lần kết quả nghiên cứu về tình hình thuốc lá học sinh 13-15 tuổi tại Việt Nam năm 2022 (với tỷ lệ nam hút thuốc 3,1% và nữ 0,8%).

Tỷ lệ hút TLĐT chung là 2,8%, trong đó tỷ lệ hút TLĐT ở nam chiếm 4,2% và ở nữ chiếm 1,6%. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu về tình hình thuốc lá học sinh 13-15 tuổi tại Việt Nam năm 2022 với tỷ lệ học sinh sử dụng thuốc lá điện tử là 3,5%, trong đó học sinh nam là 4,3%, học sinh nữ là 2,8% [2],[14].

Học sinh THCS thuộc huyện Phong Điền cho biết dấu hiệu tiếp xúc với khói thuốc lá trong 7 ngày qua cho thấy 28% ĐTNC cho rằng có người hút thuốc lá trong nhà. 31,6% có người hút thuốc trong nhà từ 1-2 ngày tại các địa điểm như: bệnh viện, trường học, cửa hàng, nhà hàng; 50,8% thấy có người hút thuốc lá tại địa điểm ngoài trời như sân chơi, trên đường đi, lối vào tòa nhà. Trong 30 ngày qua 46,8% cho rằng nhìn thấy thỉnh thoảng hoặc hàng ngày có người thân trong gia đình hút thuốc lá. 37% ĐTNC thấy hút thuốc trong các tòa nhà hoặc trong phạm vi khuôn viên của trường học.

Tỷ lệ học sinh biết hút thuốc lá có gây nguy hiểm đến sức khỏe chiếm tỷ lệ 95%. Kết quả này cao hơn kết quả điều tra GATS 2015 là 90,3% và cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Diễm Hương (92,6%) [14],[7].

Về TLĐT có 93,8% đối tượng nghiên cứu biết hút TLĐT gây hại cho sức khỏe, trong số này có 40% cho rằng hút thuốc lá điện tử có hại như nhau hoặc hại hơn một chút. Trong khi đó có 36,5% cho rằng ít hại hơn. Kết quả nghiên cứu này cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Diễm Hương (91,2%) đối tượng nghiên cứu biết hút TLĐT gây hại cho sức khỏe. Kết quả nghiên cứu này phản ánh hiệu quả của công tác truyền thông, giáo dục về phòng, chống tác hại thuốc lá tại các trường học, giúp nâng cao nhận thức của học sinh về tác hại của thuốc lá và thuốc lá điện tử [7].

Nghiên cứu cho thấy có 66,3% thực hiện tốt hoàn toàn về quy định cấm học sinh hút thuốc lá và 50,2% thực hiện tốt hoàn toàn về quy định cấm giáo viên hút thuốc lá tại trường học. Kết quả này tương tự kết quả nghiên cứu tình hình thuốc lá học sinh 13-15 tuổi tại Việt Nam khi nhận định của học sinh về cấm hút thuốc lá tại trường học đối với học sinh và đối với giáo viên. Điều này phản ánh việc thực hiện quy định cấm hút thuốc trong trường học đã có hiệu quả nhất định, song vẫn cần tiếp tục củng cố và nâng cao sự gương mẫu của giáo viên để duy trì môi trường học đường không khói thuốc bền vững [14].

5. KẾT LUẬN

Qua Nghiên cứu 600 đối tượng là học sinh các trường THCS của huyện Phong Điền, cho thấy: Tỷ lệ sử dụng thuốc lá ở học sinh THCS là 5,8%; tỷ lệ nam giới HTL 9,1% và nữ 2,9%. Tỷ lệ từng sử dụng TLĐT là 2,8%; tỷ lệ nam giới HTL điện tử 4,2% và nữ 1,6%. Tỷ lệ hút thuốc lá thụ động trong 7 ngày qua: 28% tại nhà; 47,8% tại địa điểm địa điểm công cộng trong nhà như: bệnh viện, trường học; 50,8% tại địa điểm những nơi công cộng ngoài trời như sân chơi, trên đường đi, lối vào tòa nhà. Tỷ lệ hút thuốc lá thụ động trong 30 ngày qua: Tại nhà, tại trường học 63%, 56,8% nhìn thấy người thân trong gia đình hút thuốc. 82,3% học sinh khẳng định hút thuốc lá có hại cho sức khỏe. 90,9% học sinh biết khói thuốc lá phả ra từ người khác hút thuốc có hại cho sức khỏe. 84% học sinh định hút thuốc lá điện tử có hại cho sức khỏe. 84,0% học sinh có nhìn thấy hay nghe thấy thông tin, hình ảnh về phòng chống tác hại thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng. 2,5% học sinh nhìn thấy quảng cáo về sản phẩm thuốc lá trên mạng internet. 1,5% học sinh đã từng nhìn thấy quảng cáo thuốc lá điện tử. 66,3% học sinh cho biết thực hiện tốt quy định cấm học sinh hút thuốc lá. 50,2% học sinh cho biết thực hiện tốt quy định cấm giáo viên hút thuốc lá.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế, Cục Quản lý Khám chữa bệnh (2023), báo cáo hoạt động PCTHTL tại Việt Nam giai đoạn 2013-2023
- [2] Bộ Y tế, Trường Đại học Y tế công cộng (2020), Thực trạng sử dụng thuốc lá và thực hiện luật phòng chống tác hại thuốc lá (PGATS) năm 2020
- [3] Nguyễn Thị Diễm Hương (2021-2022), Thái độ hút thuốc lá và tiếp cận thông tin về tác hại của thuốc lá ở học sinh từ 13-15 tuổi ở 13 tỉnh của Việt Nam

- năm 2021-2022, Vietnam Medical Journal N02 - January – 2024, trang 278-282.
- [4] Nguyễn Ngọc Nghĩa (năm 2023), thực trạng và xác định một số yếu tố liên quan đến thói quen hút thuốc lá ở nam học sinh trường Trung học phổ thông (THPT) Lý Thường Kiệt, thành phố Yên Bái năm 2023.
- [5] Tổ chức Y tế Thế giới và các cộng sự (2015). Điều tra toàn cầu về hút thuốc lá ở người trưởng thành tại Việt Nam (GATS), Hà Nội.
- [6] Trường Đại học Y Hà Nội, Nghiên cứu về tình hình sử dụng thuốc lá trong học sinh 13-15 tuổi tại Việt Nam năm 2022.
- [7] American Lung Association (2016), Health Effects of Secondhand Smoke, Centers for Disease Control and Prevention (CDC) (2016), Secondhand Smoke (SHS) Facts, Media centre, Fact sheets, http://www.cdc.gov/tobacco/data_statistics/fact_sheets/secondhand_smoke/general_facts/.
- [8] World Health Organization (2023). WHO report on the global tobacco epidemic, 2023: protect people from tobacco smoke. (2024), WHO global report on trends in prevalence of tobacco use 2000–2030, page 32 https://www.who.int/fctc/cop/cop7/FCTC_COP_7_11_EN.pdf